



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa*

*Điện thoại: 02583.727241 - Fax: 02583.727227*

*Website: nhatrangtex.com - Email: info@nhatrangtex.com*

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **QUÝ 4 NĂM 2019**

*Nha Trang, ngày 20 tháng 01 năm 2020*



**MỤC LỤC**

	<u><b>Trang</b></u>
1. <b>MỤC LỤC</b>	1
2. <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
4.1 <b>Bảng cân đối kế toán</b>	2-3
4.2 <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	4
4.3 <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	5-6
4.4 <b>Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>	7-31

\*\*\*\*\*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

<u>TÀI SẢN</u>	<u>MÃ SỐ</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>302.030.633.271</b>	<b>454.719.784.688</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.696.356.763</b>	<b>2.592.721.218</b>
1. Tiền	111	V.1	1.696.356.763	2.592.721.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.278.463.404</b>	<b>157.067.174.377</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	64.408.336.485	115.984.186.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.918.198.750	614.225.935
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	17.230.874.283	41.557.164.418
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.2	(1.278.946.114)	(1.123.714.298)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.311.970
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>196.945.079.885</b>	<b>289.769.053.940</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	196.945.079.885	289.769.053.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.110.733.219</b>	<b>5.290.835.153</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	1.544.918.527	1.438.366.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	11.364	64.095.788
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.2	2.565.803.328	3.788.372.820
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>345.252.877.278</b>	<b>394.396.035.619</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>54.795.641.005</b>	<b>67.000.684.585</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	54.795.641.005	67.000.684.585
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>277.350.837.806</b>	<b>306.700.202.090</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.19	275.484.569.615	304.791.500.567
- Nguyên giá	222		653.786.594.948	656.617.823.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(378.302.025.333)	(351.826.322.441)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.866.268.191	1.908.701.523
- Nguyên giá	228		1.909.500.000	1.909.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.231.809)	(798.477)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.996.456.225</b>	<b>11.155.429.043</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	6.996.456.225	11.155.429.043
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.221.725.000</b>	<b>1.221.725.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.221.725.000	1.221.725.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.888.217.242</b>	<b>8.317.994.901</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	4.888.217.242	8.317.994.901
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>647.283.510.549</b>	<b>849.115.820.307</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>500.067.098.008</b>	<b>671.403.677.625</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>374.263.917.063</b>	<b>526.689.026.787</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	19.223.528.951	65.642.597.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	8.558.474.192	1.897.250.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.3;4	1.172.145.822	1.767.379.734
4. Phải trả người lao động	314		6.666.302.711	6.106.511.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	879.101.285	3.832.480.490
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	978.450.813	7.994.788.644
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1;3	336.273.430.208	438.339.594.538
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	512.483.081	1.108.423.395
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>125.803.180.945</b>	<b>144.714.650.838</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2;3	125.803.180.945	144.714.650.838
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>147.216.412.541</b>	<b>177.712.142.682</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>147.216.412.541</b>	<b>177.712.142.682</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(61.829.251.118)	(31.333.520.977)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.333.520.977)	882.881.563
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(30.495.730.141)	(32.216.402.540)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>647.283.510.549</b>	<b>849.115.820.307</b>

Nha Trang, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Ch

*(Signature)*



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 4 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	290.256.829.941	225.193.504.854	1.041.766.055.508	885.796.340.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.811.040	5.619.600	31.553.199	271.871.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	290.250.018.901	225.187.885.254	1.041.734.502.309	885.524.469.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	295.904.709.791	262.246.337.563	1.031.102.548.098	885.071.124.977
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.654.690.890)	(37.058.452.309)	10.631.954.211	453.344.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	150.923.127	684.124.965	616.126.685	7.789.210.255
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	8.670.272.646	10.365.253.888	34.841.743.149	42.528.452.788
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.622.535.330	10.336.950.706	34.364.390.668	36.252.241.904
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.051.786.557	1.314.175.292	4.626.861.472	6.302.603.876
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	6.808.456.010	6.532.123.913	22.614.278.378	25.011.308.165
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.034.282.976)	(54.585.880.437)	(50.834.802.103)	(65.599.810.097)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	2.213.071.824	17.138.714.845	28.919.645.076	33.900.059.772
13. Chi phí khác	32	VI.10	453.713.991	(679.070)	5.826.724.790	8.001.150
14. Lợi nhuận khác	40		1.759.357.833	17.139.393.915	23.092.920.286	33.892.058.622
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.274.925.143)	(37.446.486.522)	(27.741.881.817)	(31.707.751.475)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(473.069.508)	(3.932.228.003)	2.753.848.324	508.651.065
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.801.855.635)	(33.514.258.519)	(30.495.730.141)	(32.216.402.540)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(1.070)	(1.812)	(1.648)	(1.741)

Người lập biểu

*cl*

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

*namur*

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Võ Đình Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2019

Đơn vị tính: VND

ST T	CHỈ TIÊU	M Ã SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		345.284.451.422	220.945.752.930	1.140.504.602.375	889.298.301.375
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(310.406.670.693)	(177.016.378.907)	(875.948.115.072)	(753.277.680.475)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.944.090.180)	(20.963.014.173)	(84.235.374.331)	(108.017.038.148)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.908.599.407)	(9.615.992.223)	(34.346.589.120)	(36.090.172.838)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(985.516.472)	(923.738.507)	(1.531.278.832)	(3.817.043.663)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.227.314.627	1.223.362.679	24.634.250.573	8.722.234.446
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.643.049.545)	(17.562.865.208)	(58.455.218.700)	(76.375.375.130)
	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.623.839.752</b>	<b>(3.912.873.409)</b>	<b>110.622.276.893</b>	<b>(79.556.774.433)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21		-	(204.024.600)	(154.000.000)	(6.852.949.146)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	12.227.043.580	9.550.213.104	13.033.009.769
3	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	15.000.000.000
4	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.722.537	220.935.929	5.633.006	2.666.995.912
	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.722.537</b>	<b>12.243.954.909</b>	<b>9.401.846.110</b>	<b>23.847.056.535</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		283.473.138.561	243.694.126.340	871.848.649.558	896.777.270.070
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(285.311.310.062)	(253.118.366.156)	(992.803.145.776)	(847.836.225.676)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

S T T	CHỈ TIÊU (tiếp theo)	M Ã SỐ	THUY ẾT MINH	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.838.171.501)	(9.424.239.816)	(120.954.496.218)	48.941.044.394
	Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		(212.609.212)	(1.093.158.316)	(930.373.215)	(6.768.673.504)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.883.707.162	3.678.916.358	2.592.721.218	9.229.359.549
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.258.813	6.963.176	34.008.760	132.035.173
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.696.356.763	2.592.721.218	1.696.356.763	2.592.721.218

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2019

#### I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

##### 1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

##### Thay đổi đăng ký kinh doanh

	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5	4200237973	23/03/2018
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6	4.200.237.973	22/03/2019

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
- Tổng số cổ phần: 18.500.000 cổ phần
- Mã chứng khoán: NTT
- Sàn giao dịch: UPCOM

##### Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 3 năm 2019 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.015 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 1.692 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, P. Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

► Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

► Chi nhánh tại Khánh Hòa

Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Chi nhánh này được cấp giấy phép hoạt động số 4200237973-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 6 năm 2018

## 2 Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Chủ tịch	26/04/2019
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	26/04/2019
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	26/04/2019

### Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Chiêm Yến Nhi	Trưởng ban	26/04/2019
Bà Mai Thị Tình	Ủy viên	26/04/2019
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Ủy viên	26/04/2019

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Đình Hùng	Tổng Giám đốc	18/03/2019	-
Ông Lý Anh Tài	Tổng Giám đốc	20/03/2018	18/03/2019
Ông Phan Kiệt	Phó Tổng giám đốc	18/03/2019	-
Ông Phan Kiệt	Giám đốc điều hành	01/01/2012	18/03/2019
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Phó Tổng giám đốc	18/03/2019	-
Bà Hồ Đặng Như Duyên	Giám đốc điều hành	08/08/2018	18/03/2019
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	25/09/2019	-
Ông Phan Minh Tiến	Giám đốc điều hành	18/03/2019	-
Ông Nguyễn Trung Hà	Giám đốc điều hành	18/03/2019	-
Bà Phạm Thị Hồng Xuyên	Giám đốc điều hành	04/10/2018	08/04/2019



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Kế toán trưởng

Họ và tên

Chức vụ

Ngày bổ nhiệm

Ngày miễn nhiệm

Bà Hồ Đặng Như Duyên

Kế toán trưởng

01/07/2011

-

### 3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

So sánh được vì từ 01/01/2015 Công ty thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 2 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 3 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

### 4 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1 Các loại tỷ giá hối đoái, nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tại ngày 31/12/2019, tỷ giá mua là 23.110 VND/USD; tỷ giá bán là 23.230 VND/USD.

Tại ngày 31/12/2019, tỷ giá mua là 25.748 VND/EUR; tỷ giá bán là 26.601 VND/EUR.

### **2 Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập.

Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoảng nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

### 5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

• Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

• Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

• Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

• Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 20	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10	năm

### 7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

**Quyền sử dụng đất:**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ Thôn Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa, với diện tích 5.053,7 m<sup>2</sup> - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 333731 ngày 13/11/2018 - Mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm - Thời gian sử dụng: Đến 15/10/2063.

### **9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

### **11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

### **13 Vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

thức năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính .
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích , được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **16 Chi phí vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tiền mặt	224.218.171	240.568.107
- Tiền gửi ngân hàng	1.472.138.592	2.352.153.111
- Tiền đang chuyển		
<b>cộng</b>	<b>1.696.356.763</b>	<b>2.592.721.218</b>
<i>Trong đó,</i>		
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2019	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	67.839,51	1.569.467.297
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	75.390
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 31/12/2019	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	13.560,59	313.385.261
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	73.639
<b>2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Cổ phiếu CTCP Bông Tây Nguyên (2.688 CP)	266.915.000	266.915.000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000 CP)	954.810.000	954.810.000
<b>cộng</b>	<b>1.221.725.000</b>	<b>1.221.725.000</b>
<b>3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	13.064.774.678	69.658.462.998
- Công ty Cổ Phần Dệt Gia dụng Phong Phú	90.000.000	-
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	14.598.100
- Công ty Cổ phần Dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	5.667.479.363	-
- Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Dệt Vải Vinatex Quốc tế	148.394.783	-
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Dệt May Thygesen Việt Nam	113.539.356	151.408.836
- Công ty TNHH AD-V	377.550.500	-
- Công ty TNHH TM Quốc tế TiTan	-	3.132.559.980
- Công ty TNHH TMDV Connection	267.293.950	267.293.950
- Công ty TNHH HD Gold	69.097.406	73.834.091
- Melcosa Việt Nam LTD.	880.421.670	-
- Shinatomo co., ltd.	437.757.477	-
- Sanmar Corporation	5.986.574.321	3.369.946.819
- Orchid Apparel LLC	45.124.586	814.375.135
- Các khách hàng khác	2.191.013.438	3.432.391.486
<b>cộng</b>	<b>64.408.336.485</b>	<b>115.984.186.352</b>

\* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là:  
498.582,90 USD - tương đương 1.759.265.498 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	54.795.641.005	67.000.684.585
<b>cộng</b>	<b>54.795.641.005</b>	<b>67.000.684.585</b>

<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	15.382.027.634	-
Công Ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	1.812.010.673	-
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	276.400.001	276.400.001
Công ty TNHH kỹ thuật chuyển giao công nghệ Hà Nội	700.000.000	-
Natex Limited	341.712.780	-
Các nhà cung cấp khác	406.047.662	337.825.934
<b>cộng</b>	<b>18.918.198.750</b>	<b>614.225.935</b>

\* Trong đó, số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là:

- 15.354 USD	tương đương:	355.368.330 VND
- 3.376,85 EUR	tương đương:	88.383.962 VND

<b>5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	90.649.960	43.505.960
- Tiền lãi phải thu-CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	14.725.124.665	15.368.313.778
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	20.916.117	-
- Tiền lãi và tiền bồi thường - Tổng CTCP Phong Phú	-	14.563.698.079
- Phải thu chờ xử lý (hàng tồn kho tồn thất do bão 2018)	2.389.733.541	11.480.107.451
- Phải thu khác	4.450.000	101.539.150
<b>cộng</b>	<b>17.230.874.283</b>	<b>41.557.164.418</b>

<b>5.2 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787.538.760	787.538.760
Công ty CP Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35.875.532	35.875.532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209.661.832	209.661.832
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6.177.999	6.177.999
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7.189.618	7.189.618
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	4.000.000	4.000.000
Cty TNHH MTV Vải Phụ liệu&Thiết bị May Thái Bình	3.955.600	3.955.600
Công ty TNHH Vật tư Chánh Trung	155.231.816	-
<b>cộng</b>	<b>1.278.946.114</b>	<b>1.123.714.298</b>

\* Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số dư tại 01/01	1.123.714.298	1.123.714.298
Trích lập dự phòng bổ sung	155.231.816	-
Số dư cuối kỳ	<b>1.278.946.114</b>	<b>1.123.714.298</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2019	01/01/2019
- Hàng mua đang đi trên đường		15.391.500
- Nguyên liệu, vật liệu	40.111.700.467	120.928.543.393
- Công cụ dụng cụ	39.352.219	35.257.219
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	43.999.041.161	74.515.480.738
- Thành phẩm	111.792.909.849	92.972.837.856
- Hàng hoá	739.200.340	1.087.513.981
- Hàng gửi bán	262.875.849	214.029.253
<b>cộng</b>	<b>196.945.079.885</b>	<b>289.769.053.940</b>

**7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí phụ tùng	151.659.184	3
- Chi phí đồng phục	133.832.467	163.627.385
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	476.109.777	435.291.506
- Chi phí công cụ, dụng cụ	21.290.908	144.085.325
- Chi phí sửa chữa	630.522.051	476.546.882
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	131.504.140	218.815.443
<b>cộng</b>	<b>1.544.918.527</b>	<b>1.438.366.545</b>

**7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí phụ tùng	-	149.835.383
- Chi phí công cụ, dụng cụ	190.960.161	544.618.158
- Chi phí sửa chữa	4.405.755.539	3.413.346.648
- Chi phí trả trước dài hạn khác (tiền thuê đất trả trước)	-	4.173.528.052
- Chi phí trả trước dài hạn khác	291.501.542	36.666.660
<b>cộng</b>	<b>4.888.217.242</b>	<b>8.317.994.901</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
- Mua sắm tài sản cố định	-	178.677.182
+ Mua xe đưa đón công nhân	-	178.677.182
- Xây dựng cơ bản dở dang	6.996.456.225	10.976.751.861
+ Phương án cải tạo hệ thống pha acid HT xử lý nước thải	115.035.600	115.035.600
+ Phương án di chuyển lắp đặt Nhà máy May 1	-	389.004.027
+ Phương án nâng cấp thiết bị nhà máy sợi con	-	3.399.808.634
+ Dự án cải tạo mặt bằng Xưởng Nhuộm	-	35.402.000
+ Phương án sửa chữa khắc phục NM Sợi 3	6.837.186.125	6.837.194.910
+ Phương án nuôi cấy vi sinh cho HT xử lý nước thải	-	200.306.690
+ PA di dời và nâng cao hiệu quả sản xuất NM May	17.920.000	-
+ PA quy hoạch sắp xếp mặt bằng thiết bị Xưởng Sợi Se	18.914.500	-
+ PA quy hoạch sắp xếp mặt bằng Khu nhà điều hành và phòng trung bày	7.400.000	-
<b>cộng</b>	<b>6.996.456.225</b>	<b>11.155.429.043</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>9. Người mua trả tiền ngắn hạn</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Toyobo Specialties Trading Co., Ltd	539.845.213	539.299.213
Able Co., Ltd	-	1.045.255.149
CTy TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Đoàn Kết	50.477.848	94.392.386
Khách hàng khác	7.968.151.131	218.304.148
<b>cộng</b>	<b>8.558.474.192</b>	<b>1.897.250.896</b>

*\* Trong đó, số dư người mua trả trước ngắn hạn có gốc ngoại tệ là:*

*+40.464,13 USD tương đương 935.624.713 VND*

<b>10. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	7.198.047.861	42.594.944.819
Công ty Cổ Phần Dệt Gia dụng Phong Phú	20.968.911	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Phong Phú	-	1.220.000.000
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt may Nam Định	42.336.910	58.671.800
Công ty Cổ phần Thuận Hải	1.265.357.437	3.676.587.189
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	3.110.958.781	3.455.377.863
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	283.332.500	1.282.737.500
Công ty TNHH Brotex Việt Nam	-	1.419.901.020
Công ty TNHH Sao Mai Anh	18.900.002	77.100.002
Công ty TNHH hóa chất và thiết bị Thiên Phú	142.324.050	752.391.783
Công ty TNHH Tự Động Hóa Sao Việt	23.100.400	196.780.775
Công ty TNHH MTV TM DV Toàn Thắng	85.431.000	118.153.000
Công ty TNHH Quốc Phong Nha Trang	115.440.000	106.080.000
Công ty TNHH DV TM SX in dệt nhãn hiệu Thủ Đức	-	17.238.980
Công ty TNHH Dệt may Bình Phát	51.900.750	-
Công ty TNHH TM U.C.C	130.020.000	418.660.000
Công ty TNHH STD&S	111.658.800	150.470.100
Công ty TNHH TM Huy Quang	183.232.500	687.995.000
Công ty TNHH Hiệp Hưng	37.958.690	199.048.410
Công ty TNHH DV & TM Dương Hoàng Phát	4.955.500	-
Công ty TNHH SXTM XNK Thành Xuân	744.427.560	639.179.560
Công ty TNHH TMDV và XD Phúc Minh	-	479.383.250
Công ty TNHH SXTM và DV Vân An	123.772.880	304.835.520
Công ty CP máy và phụ tùng dệt may	101.877.600	93.830.000
Công ty TNHH Tân Hùng Thái	383.031.000	315.243.720
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Hồng Nam	243.962.400	223.968.800
Công ty CP Bao Bì 3/2	14.149.630	186.827.252
Công ty TNHH AVCO Việt Nam	130.350.000	216.876.000
Công ty TNHH TS Phú Yên	337.817.348	337.817.348
Công ty TNHH Chanchem	156.200.000	418.385.000
Công ty TNHH SX TM DV Hiệp Hòa	1.072.467.332	225.954.244



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>10. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Công ty TNHH TM Hải Nam Dương	8.448.000	134.491.500
Công ty TNHH MTV Tâm Thành Phú	-	155.650.000
Công ty TNHH TM DV Việt Sin	79.750.000	92.400.000
Công ty Xăng Dầu Phú Khánh	11.901.200	-
Công ty TNHH TM DV SX Tân Châu	194.211.100	446.687.500
Công ty TNHH Thanh Hà	276.268.798	194.624.797
Ông Lê Công Hòa	801.641.571	1.215.526.063
Các nhà cung cấp khác	1.717.328.440	3.528.778.365
<b>cộng</b>	<b>19.223.528.951</b>	<b>65.642.597.160</b>

\* Trong đó, số dư công nợ phải trả ngắn hạn người bán có gốc ngoại tệ là:

USD	-	-
EUR	-	-

<b>11.1. Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
-Thuế GTGT được khấu trừ	11.364	64.095.788
<b>cộng</b>	<b>11.364</b>	<b>64.095.788</b>

<b>11.2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
-Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2.565.803.328	3.788.372.820
-Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
-Tiền thuê đất nộp thừa	-	-
-Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>cộng</b>	<b>2.565.803.328</b>	<b>3.788.372.820</b>

<b>11.3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Thuế GTGT	1.066.271.618	1.659.833.782
- Thuế thu nhập cá nhân	105.874.204	107.545.952
<b>cộng</b>	<b>1.172.145.822</b>	<b>1.767.379.734</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**11.4 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:**

Chỉ tiêu	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2019	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải trả
<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>3.852.468.608</b>	<b>1.767.379.734</b>	<b>24.785.423.902</b>	<b>24.094.003.898</b>	<b>2.565.814.692</b>	<b>1.172.145.822</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	64.095.788	1.659.833.782	17.679.677.031	18.209.154.771	11.364	1.066.271.618
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	186.284.402	186.284.402	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	85.091.847	85.091.847	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.788.372.820	-	2.753.848.324	1.531.278.832	2.565.803.328	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	-	2.034.280.550	2.034.280.550	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	107.545.952	322.630.235	324.301.983	-	105.874.204
- Các loại thuế khác	-	-	1.719.611.513	1.719.611.513	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>12. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Chi phí trích trước kiểm toán	120.000.000	60.000.000
- Trích trước tiền điện	45.165.362	233.298.148
- Trích trước chi phí hoa hồng	-	3.895.214
- Trích trước chi phí lãi vay	713.935.923	722.016.263
- Trích trước chi phí thuê tài sản (PhongPhuCorp,.)	-	2.813.270.865
<b>cộng</b>	<b>879.101.285</b>	<b>3.832.480.490</b>
<b>13. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	821.791.690	1.396.859.738
- Bảo hiểm xã hội	35.160.613	4.041.509.427
- Bảo hiểm Y tế	37.346.061	1.995.194.758
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.595.326	388.951.812
- Các khoản phải trả , phải nộp khác	77.557.123	172.272.909
<i>Trong đó :</i>		
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	72.000.000	82.992.000
+ Các khoản phải trả - khác	5.557.123	89.280.909
<b>cộng</b>	<b>978.450.813</b>	<b>7.994.788.644</b>
<b>14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
<b>* Vay ngắn hạn</b>		
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	224.102.472.718	257.617.353.536
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	224.102.472.718	257.617.353.536
-Ngân hàng TMCP quân đội -Khánh Hòa	29.938.880.078	40.440.353.138
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	29.938.880.078	40.440.353.138
-Ngân hàng BIDV - Khánh Hòa	63.333.877.412	98.191.122.249
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	63.333.877.412	98.191.122.249
-Ngân hàng ICB Nha Trang	-	28.018.711.503
+ ICB Nha Trang - VND	-	28.018.711.503
<b>* Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>18.898.200.000</b>	<b>14.072.054.112</b>
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	18.898.200.000	12.379.350.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	11.000.000.000	7.500.000.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	7.898.200.000	4.879.350.000
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		
+ DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	18.898.200.000	12.379.350.000
-Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa	-	373.336.000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	373.336.000
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	-	373.336.000
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	-	1.319.368.112
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	1.319.368.112
<i>Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:</i>		
+ Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean	-	1.319.368.112
<b>Cộng</b>	<b>336.273.430.208</b>	<b>438.339.594.538</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

14.2 Các khoản vay và nợ dài hạn	31/12/2019	01/01/2019
<b>* Vay dài hạn</b>	<b>125.803.180.945</b>	<b>144.714.650.838</b>
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	125.803.180.945	144.714.650.838
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	72.049.459.461	83.049.459.461
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	53.753.721.484	61.665.191.377
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	125.803.180.945	144.714.650.838
cộng	125.803.180.945	144.714.650.838



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****14.3 BẢNG THEO DÕI NỢ VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN**

STT	Ngân hàng	01/01/2019	Vay thêm trong kỳ	Trả nợ/Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	31/12/2019
<b>1</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>144.714.650.838</b>	<b>-</b>	<b>18.911.469.893</b>	<b>125.803.180.945</b>
1.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	144.714.650.838	-	18.911.469.893	125.803.180.945
<b>2</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>424.267.540.426</b>	<b>871.848.649.558</b>	<b>978.740.959.776</b>	<b>317.375.230.208</b>
2.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	257.617.353.536	551.017.787.322	584.532.668.140	224.102.472.718
2.2	Ngân hàng BIDV Khánh Hòa	98.191.122.249	260.901.982.158	295.759.226.995	63.333.877.412
2.3	Ngân hàng MB Khánh Hòa	40.440.353.138	59.928.880.078	70.430.353.138	29.938.880.078
2.4	Ngân hàng ICB Khánh Hòa	28.018.711.503	-	28.018.711.503	-
<b>3</b>	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>14.072.054.112</b>	<b>18.858.031.888</b>	<b>14.031.886.000</b>	<b>18.898.200.000</b>
3.1	Ngân hàng VCB Khánh Hòa	12.379.350.000	18.857.400.000	12.338.550.000	18.898.200.000
3.2	Ngân hàng BIDV Khánh Hòa	1.319.368.112	631.888	1.320.000.000	-
3.3	Ngân hàng ABB Khánh Hòa	373.336.000	-	373.336.000	-
	<b>TỔNG</b>	<b>583.054.245.376</b>	<b>890.706.681.446</b>	<b>1.011.684.315.669</b>	<b>462.076.611.153</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số dư tại 01/01	1.108.423.395	1.655.477.432
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	708.628.027
Tăng khác	56.855.627	59.247.845
Chi khen thưởng, phúc lợi	(652.795.941)	(1.314.929.909)
<b>cộng</b>	<b>512.483.081</b>	<b>1.108.423.395</b>
<b>15.1 Quỹ khen thưởng</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số dư tại 01/01	334.120.081	722.288.081
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	354.314.000
Tăng khác	3.620.000	1.838.000
Chi khen thưởng	(334.040.000)	(744.320.000)
<b>cộng</b>	<b>3.700.081</b>	<b>334.120.081</b>
<b>15.2 Quỹ phúc lợi</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số dư tại 01/01	774.303.314	933.189.351
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	354.314.027
Tăng khác	53.235.627	57.409.845
Chi phúc lợi	(318.755.941)	(570.609.909)
<b>cộng</b>	<b>508.783.000</b>	<b>774.303.314</b>
<b>16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	56.143.750.000	96.143.750.000
- Vốn góp của Công ty CP Quốc tế Phong Phú	45.381.320.000	-
- Vốn góp của Công ty CP Vinatex Quốc tế	44.200.000.000	-
- Vốn góp của đối tượng khác	39.274.930.000	88.856.250.000
<b>cộng</b>	<b>185.000.000.000</b>	<b>185.000.000.000</b>
<b>16.2 Các quỹ của doanh nghiệp</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	22.015.663.659	22.015.663.659
-Thặng dư vốn cổ phần	2.030.000.000	2.030.000.000
<b>cộng</b>	<b>24.045.663.659</b>	<b>24.045.663.659</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****16.3- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	1.591.509.590	210.637.173.249
- Tăng vốn trong kỳ		-			-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(32.216.402.540)	(32.216.402.540)
- Tăng khác		-	-		-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc	-	-	-	(708.628.027)	(708.628.027)
- Giảm khác	-	-		-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(31.333.520.977)	177.712.142.682
<b>Số dư tại ngày 01/01/2019</b>	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(31.333.520.977)	177.712.142.682
- Tăng vốn trong kỳ		-			-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(30.495.730.141)	(30.495.730.141)
- Tăng khác		-	-		-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659	(61.829.251.118)	147.216.412.541



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

<b>17. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	5.614.375	9.614.375
+ Cổ phiếu Công ty CP Quốc tế Phong Phú	4.538.132	-
+ Cổ phiếu Công ty CP Vinatex Quốc tế	4.420.000	-
+ Cổ phiếu Quỹ	-	-
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	3.927.493	8.885.625
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
<b>cộng</b>	18.500.000	18.500.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)</i>	10.000	10.000
<b>18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
18.1 Tài sản thuê ngoài	291.328.243.000	291.328.243.000
18.2 Ngoại tệ các loại		
- <i>Dollar Mỹ (USD)</i>	13.560,59	67.839,51
- <i>Euro (EUR)</i>	2,86	2,86
18.3 Nợ khó đòi đã xử lý	1.254.389.058	1.254.389.058
- <i>Công ty TNHH TMDV Nam Phúc</i>	122.968.739	122.968.739
- <i>Ông Phan Thế Thông</i>	137.134.108	137.134.108
- <i>Ông Lê Trung Hải</i>	179.714.987	179.714.987
* <i>Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ</i>		
- <i>Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà</i>	814.571.224	814.571.224
* <i>Nguyên nhân xóa sổ: Khách hàng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**19. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
+ Số dư đầu kỳ	134.289.282.851	505.913.123.417	13.837.463.363	2.468.993.377	108.960.000	656.617.823.008
+ Tăng trong kỳ	-	-	184.382.091	-	-	184.382.091
- Mua trong kỳ	-	-	184.382.091	-	-	184.382.091
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	857.630.151	2.157.980.000	-	-	3.015.610.151
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	857.630.151	2.157.980.000	-	-	3.015.610.151
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
+ Số dư cuối kỳ	134.289.282.851	505.055.493.266	11.863.865.454	2.468.993.377	108.960.000	653.786.594.948
<b>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</b>						
+ Số dư đầu kỳ	59.524.080.875	280.728.823.708	9.298.473.481	2.193.224.377	81.720.000	351.826.322.441
+ Tăng trong kỳ	4.903.255.016	23.320.462.129	1.073.519.374	91.480.524	10.896.000	29.399.613.043
- Khấu hao trong kỳ	4.903.255.016	23.320.462.129	1.073.519.374	91.480.524	10.896.000	29.399.613.043
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Giảm trong kỳ	-	857.630.151	2.066.280.000	-	-	2.923.910.151
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	857.630.151	2.066.280.000	-	-	2.923.910.151
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
+ Số dư cuối kỳ	64.427.335.891	303.191.655.686	8.305.712.855	2.284.704.901	92.616.000	378.302.025.333
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
- Tại ngày đầu kỳ	74.765.201.976	225.184.299.709	4.538.989.882	275.769.000	27.240.000	304.791.500.567
- Tại ngày cuối kỳ	69.861.946.960	201.863.837.580	3.558.152.599	184.288.476	16.344.000	275.484.569.615



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019****VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	520.150.033.352	664.652.611.531
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	471.771.516.788	173.239.883.424
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.844.505.368	47.903.845.803
<b>Cộng</b>	<b>1.041.766.055.508</b>	<b>885.796.340.758</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ:</b>		
Chiết khấu thương mại	17.032.701	
Giảm giá hàng bán - thành phẩm	4.378.712	31.197.340
Hàng bán bị trả lại	10.141.786	240.673.964
<b>Cộng</b>	<b>31.553.199</b>	<b>271.871.304</b>
<b>3. Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	520.118.480.153	664.380.740.227
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	471.771.516.788	173.239.883.424
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.844.505.368	47.903.845.803
<b>Cộng</b>	<b>1.041.734.502.309</b>	<b>885.524.469.454</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm	526.478.655.573	671.275.124.776
Doanh thu bán hàng hóa, phế phẩm	480.096.125.629	186.535.482.837
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.527.766.896	27.260.517.364
<b>Cộng</b>	<b>1.031.102.548.098</b>	<b>885.071.124.977</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	5.634.370	7.517.435
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.936.288.000
Lãi từ giao dịch mua bán cổ phiếu	-	5.000.000.000
Doanh thu từ giải thể Công ty con	-	219.158.477
Lãi chênh lệch tỷ giá	96.447.340	181.760.270
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	514.044.975	444.486.073
<b>Cộng</b>	<b>616.126.685</b>	<b>7.789.210.255</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	34.364.390.668	36.252.241.904
Lập dự phòng đầu tư tài chính	-	4.362.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	152.556.546	79.512.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	324.795.935	1.834.698.180
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.841.743.149</b>	<b>42.528.452.788</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A; X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí cho nhân viên	1.849.835.116	3.307.149.469
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	26.823.910	15.399.996
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.399.996	11.715.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.107.463	1.620.232.421
Chi phí khác	863.694.987	1.348.106.554
<b>Cộng</b>	<b>4.626.861.472</b>	<b>6.302.603.876</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	13.861.235.505	15.433.366.196
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	295.004.576	358.922.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	973.261.568	1.206.348.838
Thuế phí và lệ phí	1.962.084.548	1.952.027.151
Chi phí dự phòng các khoản phải thu	155.231.816	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.813.921	860.530.700
Chi phí khác	4.386.646.444	5.200.113.174
<b>Cộng</b>	<b>22.614.278.378</b>	<b>25.011.308.165</b>
<b>9. Thu nhập khác</b>		
<i>Thu bán, thanh lý tài sản cố định</i>	<i>472.434.963</i>	<i>752.696.535</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý</i>	<i>(118.972.727)</i>	<i>(21.602.550)</i>
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	353.462.236	731.093.985
Tiền bồi thường	9.408.860.009	14.346.713.777
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	6.498.595.339	10.418.793.590
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.000.000.000	284.571.440
Các khoản thu nhập khác	658.727.492	8.118.886.980
<b>Cộng</b>	<b>28.919.645.076</b>	<b>33.900.059.772</b>
<b>10. Chi phí khác</b>		
Tiền thuế truy thu, phạt chậm nộp	1.759.118.988	20.925
Tiền thuê đất trả trước	3.932.747.590	-
Các khoản chi phí khác	134.858.212	7.980.225
<b>Cộng</b>	<b>5.826.724.790</b>	<b>8.001.150</b>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	466.667.341.114	470.461.118.008
+ Chi phí nhân công	111.058.619.821	150.730.680.834
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	29.442.046.375	31.999.430.349
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.163.041.152	92.901.961.051
+ Chi phí khác bằng tiền	4.082.243.415	9.600.506.811
<b>Cộng</b>	<b>684.413.291.877</b>	<b>755.693.697.053</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

